

## Phần 2

Bài đọc  3-8

## Hệ thống giáo dục ở Việt Nam

Nếu kể từ khi triều đình nhà Lý thành lập trường Quốc tử giám để đào tạo trẻ em con các gia đình thuộc tầng lớp quý tộc vào năm 1076 thì nền giáo dục đại học Việt Nam đã có gần một nghìn năm. Nền giáo dục đại học hiện đại theo mô hình phương Tây do người Pháp khởi xướng cũng đã tồn tại hơn một trăm năm. Trong khoảng thời gian ấy, nền giáo dục đại học Việt Nam nói riêng, nền giáo dục Việt Nam nói chung đã có nhiều thay đổi.

Hiện giờ, hệ thống giáo dục ở Việt Nam có thể chia thành các cấp học như sau: mầm non (gồm nhà trẻ và mẫu giáo), tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học, cao học và nghiên cứu sinh.

Trẻ em dưới 3 tuổi bắt đầu đi nhà trẻ cho đến năm 3 tuổi lên mẫu giáo, học trong ba năm. Năm lên 6 tuổi, trẻ em vào học tiểu học, trước đây gọi là cấp một. Cấp học này gồm năm trình độ, từ lớp một đến lớp năm. Học sinh học các môn tiếng Việt, toán (số học), giáo dục công dân, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

Cấp trung học cơ sở, trước đây gọi là cấp hai, gồm bốn trình độ, từ lớp sáu đến lớp chín. Học sinh học các môn toán, vật lý, hoá học, sinh học, công nghệ, ngữ văn (gồm tiếng Việt và văn học), lịch sử, địa lý, giáo dục công dân, ngoại ngữ, thể dục, âm nhạc, mỹ thuật. Sau khi học xong cấp này, học sinh được xét tốt nghiệp dựa trên điểm các môn học trong bốn năm. Muốn học lên cấp trung học phổ thông, học sinh phải qua kỳ thi tuyển sinh để vào trung học phổ thông.

Cấp trung học phổ thông, trước đây gọi là cấp ba, gồm ba trình độ, từ lớp mười đến lớp mười hai. Học sinh tiếp tục học các môn như ở trung học cơ sở ở trình độ cao hơn, trừ hai môn âm nhạc và mỹ thuật không còn ở cấp trung học phổ thông. Học sinh học thêm các môn giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục tập thể, giáo dục nghề phổ thông và giáo dục hướng nghiệp. Học sinh trung học phổ thông có thể được phân ban gồm hai chuyên ban là chuyên ban khoa học tự nhiên và chuyên ban khoa học xã hội và nhân văn, song cũng có thể không học chuyên ban mà học ban cơ bản. Sau khi học xong ba năm cấp trung học phổ thông, muốn tốt nghiệp, học sinh phải qua kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Các môn

ngữ văn, toán và ngoại ngữ năm nào cũng nằm trong số các môn thi tốt nghiệp trung học phổ thông, còn các môn khác thay đổi theo từng năm. Chẳng hạn như kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2009 gồm các môn ngữ văn, toán, ngoại ngữ, vật lý, sinh học, địa lý. Ngoại ngữ là một trong các thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức hoặc Nhật.

Trong cấp trung học phổ thông còn có các trường trung học chuyên về một số môn dành cho học sinh có năng khiếu về những môn ấy, như các trường chuyên toán, chuyên văn, chuyên ngoại ngữ. Muốn được vào học các trường chuyên, học sinh phải thoả mãn các điều kiện về học lực tất cả các môn, về hạnh kiểm và phải qua kỳ thi tuyển chọn rất khó, vì số học sinh có nguyện vọng vào các trường chuyên rất đông trong khi các trường chỉ tuyển một số lượng học sinh nhất định. Trong mấy thập niên vừa qua kể từ khi bắt đầu có các trường chuyên, học sinh Việt Nam đã đạt thành tích rất cao trong các kỳ thi quốc tế về toán và ngoại ngữ.

Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở nếu không muốn học lên trung học phổ thông có thể thi vào các trường trung cấp hay trường dạy nghề. Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông nếu không muốn thi vào đại học hoặc thi vào đại học không đủ điểm thì có thể thi vào các trường cao đẳng. Một số trường cao đẳng hoạt động độc lập với trường đại học, song một số trường đại học có thể có hệ cao đẳng.

Giáo dục cấp đại học của Việt Nam dựa theo truyền thống giáo dục đại học châu Âu. Học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông phải qua kỳ thi đại học rất khó để vào một trường đại học. Chương trình đại học thường từ bốn năm đến sáu năm tùy theo ngành học. Sinh viên học các ngành khoa học xã hội, khoa học nhân văn hay khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin khi tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân. Sinh viên học các trường đại học chuyên ngành như kỹ thuật khi tốt nghiệp có bằng kỹ sư, đại học y khi tốt nghiệp có bằng bác sĩ, đại học luật khi tốt nghiệp có bằng luật sư, đại học kiến trúc khi tốt nghiệp có bằng kiến trúc sư.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học nếu muốn học tiếp cao học phải qua kỳ thi tuyển sinh cao học gồm ba môn thi là môn cơ sở, môn chuyên ngành và ngoại ngữ. Thời gian đào tạo cao học thường là ba năm. Nếu một sinh viên cao học được cơ quan cử đi học thì cơ quan trả tiền học, còn những sinh viên học cao học theo nguyện vọng cá nhân thì tự trả tiền học. Sau khi bảo vệ luận văn tốt nghiệp cao học, sinh viên được cấp bằng thạc sĩ.

Dưới thời thuộc Pháp cũng như thời gian đầu sau khi hoà bình lập lại vào năm 1954, cấp nghiên cứu sinh chỉ được đào tạo ở nước ngoài. Vào những năm 70 thế kỷ trước, một số ngành bắt đầu đào tạo nghiên cứu sinh trong nước. Hiện nay, tất cả các ngành đều có chương trình đào tạo nghiên cứu sinh trong nước và ở nước ngoài. Tất cả những người tốt nghiệp đại học hay cao học đều có quyền thi tuyển nghiên cứu sinh. Chương trình học nghiên cứu sinh đối với những người có bằng tốt nghiệp đại học là bốn năm, đối với những người có bằng thạc sĩ là ba năm. Song thời gian học phụ thuộc vào ngành học và hình thức học là học tập trung hay học không tập trung. Sau khi bảo vệ luận văn tốt nghiệp, nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ.

Các cấp từ cấp mầm non đến đại học, ngoài hệ thống trường công lập còn có các trường ngoài công lập hay còn gọi là dân lập. Tiền học phải trả trong các trường công lập tương đối thấp. Chẳng hạn như trong năm học 2008-2009, tiền học ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông là 30 nghìn đồng/tháng. Còn trong các trường ngoài công lập thì tiền học cao hơn rất nhiều.

LESSON  
3

## Từ mới



3-9

|   |  |
|---|--|
| <p> <b>triều đình</b> <i>royal court, imperial court</i><br/> <b>trẻ em</b> (<i>collective noun</i>) <i>children</i><br/> <b>tầng lớp</b> <i>class</i><br/> <b>quý tộc</b> <i>noble, aristocratic</i><br/> <b>phương</b> <i>direction, area</i><br/> <b>phương Tây</b> <i>West; Western</i><br/> <b>khởi xướng</b> <i>to initiate, instigate, start</i><br/> <b>tồn tại</b> <i>to exist</i><br/> <b>khoảng thời gian</b> <i>a period of time</i><br/> <b>nói riêng</b> <i>in particular</i><br/> <b>như sau</b> <i>as follows</i><br/> <b>mầm non</b> <i>the lowest level of the the educational system (literally: tender bud)</i><br/> <b>nhà trẻ</b> <i>kindergarten</i><br/> <b>mẫu giáo</b> <i>the higher level of kindergarten</i><br/> <b>tiểu học</b> <i>elementary education</i><br/> <b>trung học</b> <i>secondary education</i><br/> <b>cơ sở</b> <i>basic; base, foundation</i><br/> <b>trường cao đẳng</b> <i>professional school at a lower level than college or university in Vietnam</i><br/> <b>cao học</b> <i>graduate studies for master's degrees</i><br/> <b>trình độ</b> <i>level, grade</i><br/> <b>số học</b> <i>arithmetic</i><br/> <b>công dân</b> <i>citizen</i><br/> <b>giáo dục công dân</b> <i>civics</i><br/> <b>ngữ văn</b> <i>philology</i><br/> <b>mỹ thuật</b> <i>fine arts</i><br/> <b>dựa trên/theo/vào</b> <i>to (be) base(d) on</i><br/> <b>quốc phòng</b> <i>defense</i><br/> <b>an ninh</b> <i>security</i><br/> <b>ngoài giờ lên lớp</b> <i>extracurricular</i><br/> <b>tập thể</b> <i>collective, collectivism</i><br/> <b>hướng nghiệp</b> <i>professional orientation</i><br/> <b>phân</b> <i>to divide</i><br/> <b>ban</b> <i>section</i><br/> <b>chuyên ban</b> <i>major</i> </p> | <p> <b>Bộ Giáo dục và Đào tạo</b> <i>Ministry of Education and Training</i><br/> <b>trường chuyên</b> <i>special school for gifted children</i><br/> <b>thoả mãn</b> <i>to meet</i><br/> <b>điều kiện</b> <i>requirement</i><br/> <b>học lực</b> <i>scholastic aptitude</i><br/> <b>hạnh kiểm</b> <i>behavior, conduct</i><br/> <b>tuyển chọn</b> <i>to select</i><br/> <b>nguyện vọng</b> <i>desire</i><br/> <b>có nguyện vọng</b> <i>to desire</i><br/> <b>nhất định</b> <i>certain</i><br/> <b>thành tích</b> <i>result, achievement</i><br/> <b>trường trung cấp</b> <i>professional school at a lower level than trường cao đẳng</i><br/> <b>hệ</b> <i>system, level</i><br/> <b>tuỳ theo</b> <i>depending</i><br/> <b>thông tin</b> <i>information</i><br/> <b>công nghệ thông tin</b> <i>information technology</i><br/> <b>cử nhân</b> <i>bachelor's degree</i><br/> <b>chuyên ngành</b> <i>field of concentration; professional</i><br/> <b>cá nhân</b> <i>personal, individual</i><br/> <b>thạc sĩ</b> <i>master's degree</i><br/> <b>dưới thời thuộc Pháp</b> <i>during the French rule</i><br/> <b>hoà bình</b> <i>peace</i><br/> <b>lập lại</b> <i>to restore, re-establish</i><br/> <b>có quyền</b> <i>to have right to, be eligible</i><br/> <b>học tập trung</b> <i>full-time study</i><br/> <b>học không tập trung</b> <i>part-time study</i><br/> <b>luận văn</b> <i>thesis, dissertation</i><br/> <b>công lập</b> <i>state(-run)</i><br/> <b>ngoài công lập</b> <i>private</i><br/> <b>dân lập</b> <i>private (literally: people-established)</i><br/> <b>30 nghìn đồng/tháng = ba mươi nghìn đồng một tháng</b> </p> |
|---|--|